

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI (viết tắt là Công ty) có tiền thân là Xí nghiệp kinh doanh vật tư, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 69/2004-QĐ-BCN ngày 30/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty lần đầu được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0102274810 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2017.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Mạnh Tú	Ủy viên
- Ông Lưu Văn Hưng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Hữu Toàn	Ủy viên
- Ông Phạm Công Lộc	Ủy viên
- Bà Lê Thị Minh Hà	Ủy viên (Từ ngày 24/03/2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Trần Thu Hương	Trưởng ban (Từ ngày 24/03/2017)
- Bà Nguyễn Thị Thùy Vân	Thành viên
- Bà Cao Thị Thảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Mạnh Tú	Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Toàn	Phó Giám đốc
- Ông Phạm Công Lộc	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC *cm*



Nguyễn Mạnh Tú

40-C
TY
HỮU
F
NAM
N-T

Số: **01** /2018/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Thị Thương Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1602-2018-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMİ

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.695.314.684	101.869.584.069
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		301.390.697	259.873.008
Tiền	111	5.1	301.390.697	259.873.008
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.340.239.106	86.116.665.107
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	93.550.279.035	84.143.966.487
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		789.960.071	1.405.098.620
Các khoản phải thu khác	136	5.3	-	567.600.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.4	23.004.498.951	15.493.045.954
Hàng tồn kho	141		23.004.498.951	15.493.045.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.185.930	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	46.981.286	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.9	2.204.644	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.294.857.536	5.383.018.177
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		6.294.857.536	4.822.138.196
TSCĐ hữu hình	221	5.6	6.294.857.536	4.822.138.196
- Nguyên giá	222		27.164.213.675	24.751.862.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.869.356.139)	(19.929.724.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	560.879.981
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	560.879.981
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.990.172.220	107.252.602.246

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		109.550.255.979	93.740.951.628
Nợ ngắn hạn	310		109.550.255.979	93.740.951.628
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	92.803.424.443	65.473.117.897
Người mua trả tiền trước	312		1.011.588.000	464.651.700
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	456.388.745	1.501.860.862
Phải trả người lao động	314		1.608.540.954	1.056.130.722
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	46.778.501	35.872.428
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	1.524.500.557	1.484.859.900
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.7	12.119.179.453	23.158.616.392
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(20.144.674)	565.841.727
Nợ dài hạn	330		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.11	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.439.916.241	13.511.650.618
Vốn chủ sở hữu	410	5.12	14.439.916.241	13.511.650.618
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.511.650.618	1.030.135.053
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	481.515.565
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		928.265.623	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.990.172.220	107.252.602.246

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC







Đặng Thị Quỳnh Trang

Đặng Thị Quỳnh Trang

Nguyễn Mạnh Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMİ

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	355.873.860.025	347.701.751.417
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		355.873.860.025	347.701.751.417
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	332.274.474.859	323.185.478.951
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.599.385.166	24.516.272.466
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	95.361.573	51.124.593
Chi phí tài chính	22	6.4	2.107.391.898	1.994.864.332
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.082.426.296	1.890.371.884
Chi phí bán hàng	24	6.7	11.891.437.599	13.058.476.570
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	7.096.045.066	6.459.460.184
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.599.872.176	3.054.595.973
Thu nhập khác	31	6.5	463.694.708	1.767.640
Chi phí khác	32	6.6	1.588.000	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		462.106.708	1.767.640
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.061.978.884	3.056.363.613
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	693.713.261	653.332.483
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.368.265.623	2.403.031.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.587	1.601
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Đặng Thị Quỳnh Trang

Đặng Thị Quỳnh Trang

Nguyễn Mạnh Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM!

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.061.978.884	3.056.363.613
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.205.083.310	1.260.399.558
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.221.949	60.372.375
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.220.357)	(9.490.573)
Chi phí lãi vay	06	2.082.426.296	1.890.371.884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.336.490.082	6.258.016.857
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(8.225.778.643)	8.740.993.169
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.511.452.997)	(6.171.432.999)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	27.124.308.113	(9.841.409.048)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(46.981.286)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.132.202.907)	(1.894.708.913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(633.077.813)	(669.598.120)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(585.986.401)	(875.331.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.325.318.148	(4.453.470.548)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(1.822.583.877)	(572.700.602)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.220.357	9.490.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.804.363.520)	(563.210.029)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	192.460.331.594	189.425.134.369
Tiền trả nợ gốc vay	34	(203.499.768.533)	(183.796.667.244)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.440.000.000)	(877.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.479.436.939)	4.750.517.125
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	259.873.008	526.036.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	301.390.697	259.873.008

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Đặng Thị Quỳnh Trang

Đặng Thị Quỳnh Trang

Nguyễn Mạnh Tú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI (viết tắt là Công ty) có tiền thân là Xí nghiệp kinh doanh vật tư, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 69/2004-QĐ-BCN ngày 30/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty lần đầu được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0102274810 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 11. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng nhà cửa, đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hầm, công trình công ích, công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi điều hòa, máy móc thiết bị hệ thống xây dựng khác; Khai thác đất sét, cát, sỏi, đá; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sửa chữa máy móc thiết bị và một số ngành nghề khác.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có sự kiện nào phát sinh làm ảnh hưởng đến các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 141 người, trong đó số nhân viên quản lý là 17 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)..

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo công văn số 51/TKV - KTTC ngày 05/01/2018 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài Tập đoàn có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào ngày 31/12/2017 của Ngân hàng là 22.665 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra ngày 31/12/2017 của Ngân hàng là 22.735 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra ngày 31/12/2017 của Ngân hàng là 22.735 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn ;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa Phương pháp nhập trước xuất trước
- Chi phí SXKD dở dang Tập hợp chi phí trực tiếp trên hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị: | 7 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 3 - 6 năm |

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí liên quan đến các hợp đồng chưa thực hiện xong. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMÍ

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

chính, bao gồm: chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định năm.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0102274810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội lần đầu cấp ngày 14 tháng 10 năm 2004 và thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 04 năm 2016, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
TCT công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP	6.120.000.000	6.120.000.000	51,05%
Cổ đông cá nhân	5.880.000.000	5.880.000.000	48,95%
Tổng cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (i) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

		31/12/2017	01/01/2017
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	15.088.454	151.110.871
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	286.302.243	108.762.137
Cộng		301.390.697	259.873.008

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		15.088.454
Cộng		15.088.454

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		286.302.243
Vietinbank - CN Đông Hà Nội		272.781.540
MB bank - CN Long Biên		13.520.703
Cộng		286.302.243

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	93.550.279.035	84.143.966.487
Công ty Than Hòn Gai - TKV	25.742.597.999	15.101.829.323
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	6.677.688.855	10.007.027.674
Công ty Than Hạ Long - TKV	6.120.151.584	1.601.435.974
Công ty Than Nam Mẫu - TKV	3.553.921.964	1.611.497.787
Công ty TNHH MTV 618	13.210.578.964	3.049.745.159
Khách hàng khác	38.245.339.669	52.772.430.570
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	93.550.279.035	84.143.966.487

5.3. Phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	567.600.000	-
Cầm cố ký quỹ, ký cược	-	-	567.600.000	-
Các khoản khác	-	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	567.600.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.927.395.075	-	1.814.938.090	-
Công cụ dụng cụ	164.208.688	-	681.796	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.343.133.174	-	3.391.685.566	-
Thành phẩm	1.787.404.954	-	1.384.007.280	-
Hàng hóa	14.782.357.060	-	1.189.234.733	-
Hàng gửi bán	-	-	7.712.498.489	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Cộng	23.004.498.951	-	15.493.045.954	-

5.5. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	46.981.286	-
Chi phí bán hàng	46.981.286	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	46.981.286	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	13.146.511.907	10.670.964.203	934.386.091	-	24.751.862.201
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.820.274.909	857.527.741	-	-	2.677.802.650
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(265.451.176)	-	-	-	(265.451.176)
Số dư cuối năm	14.701.335.640	11.528.491.944	934.386.091	-	27.164.213.675
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	9.295.144.392	9.712.653.523	921.926.090	-	19.929.724.005
- Khấu hao trong năm	743.457.797	449.165.512	12.460.001	-	1.205.083.310
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(265.451.176)	-	-	-	(265.451.176)
Số dư cuối năm	9.773.151.013	10.161.819.035	934.386.091	-	20.869.356.139
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.851.367.515	958.310.680	12.460.001	-	4.822.138.196
Tại ngày cuối năm	4.928.184.627	1.366.672.909	-	-	6.294.857.536
Trong đó:- Thẻ chấp, cầm cố					
- Đã KH hết, đang sử dụng					15.994.874.908
- Chờ thanh lý					-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017 (VND)		31/12/2017 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	23.158.616.392	23.158.616.392	192.460.331.594	203.499.768.533	12.119.179.453	12.119.179.453
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*)	23.158.616.392	23.158.616.392	192.460.331.594	203.499.768.533	12.119.179.453	12.119.179.453
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	23.158.616.392	23.158.616.392	192.460.331.594	203.499.768.533	12.119.179.453	12.119.179.453

(*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 164/2017-HĐCVHM/NHCT131-VVMI ngày 18/07/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội với Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI với hạn mức vay 55.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức từ 18/07/2017 đến 30/07/2018, kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 6%/năm có điều chỉnh. Hợp đồng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất tại 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8. Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	92.803.424.443	92.803.424.443	65.473.117.897	65.473.117.897
Công ty Cơ khí Quế Sơn	23.858.920.792	23.858.920.792	19.556.119.292	19.556.119.292
Công ty CPTM máy & TBPT	12.189.879.700	12.189.879.700	7.906.041.200	7.906.041.200
Nhà cung cấp khác	56.754.623.951	56.754.623.951	38.010.957.405	38.010.957.405
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	92.803.424.443	92.803.424.443	65.473.117.897	65.473.117.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017 (VND)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	1.224.499.062	11.544.495.459	12.643.547.339	125.447.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	267.965.231	696.054.145	633.077.813	330.941.563
Thuế xuất, nhập khẩu	-	802.872.993	802.872.993	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.396.569	82.547.314	91.943.883	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	964.787.256	964.787.256	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1.501.860.862	14.093.757.167	15.139.229.284	456.388.745

b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.204.644	2.204.644
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	2.204.644	2.204.644

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a. Ngắn hạn	46.778.501	35.872.428
Chi phí lãi vay phải trả	32.086.001	17.690.610
Chi phí kiểm toán	14.692.500	18.181.818
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>46.778.501</u>	<u>35.872.428</u>

5.11. Phải trả khác

	<u>31/12/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.524.500.557	1.484.859.900
Kinh phí công đoàn	-	-
Quỹ tương trợ	37.510.657	-
Nhà trẻ	-	-
Cổ tức phải trả	1.440.000.000	1.440.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.989.900	44.859.900
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3440
CÔNG
NHIỆM
PK
ỆT M
JAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	6.000.000.000	-	-	-	-	7.030.135.053	-	-	-	-	-	13.030.135.053
Tăng vốn trong năm trước	6.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	2.403.031.130	-	-	2.403.031.130
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.403.031.130)	-	-	(2.403.031.130)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	481.515.565	-	-	-	-	481.515.565
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	-	-	-	-	1.030.135.053	481.515.565	-	-	-	-	13.511.650.618
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	2.368.265.623	-	-	2.368.265.623
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	481.515.565	-	-	-	481.515.565
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.440.000.000)	-	-	(1.440.000.000)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(481.515.565)	-	-	-	-	(481.515.565)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.000.000.000	-	-	-	-	1.511.650.618	-	-	928.265.623	-	-	14.439.916.241

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	6.120.000.000	6.120.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.880.000.000	5.880.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	6.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	12.000.000.000	12.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ tức

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	2016 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	481.515.565
Cộng	-	481.515.565

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.873.860.025	347.701.751.417
Doanh thu bán hàng hóa	233.022.793.744	216.303.767.094
Doanh thu cơ khí	37.925.952.059	41.460.137.616
Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa	195.096.841.685	174.843.629.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.851.066.281	131.397.984.323
Doanh thu sửa chữa cơ khí	122.851.066.281	131.397.984.323

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Năm 2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
Giá vốn sản phẩm cơ khí	33.551.391.052	36.373.658.465
Giá vốn kinh doanh vật tư hàng hóa	184.366.786.195	122.122.720.307
Giá vốn sửa chữa cơ khí	114.356.297.612	164.689.100.179
Cộng	332.274.474.859	323.185.478.951

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2017</u> (VND)	<u>Năm 2016</u> (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.220.357	9.490.573
Lãi chênh lệch tỷ giá	77.141.216	41.634.020
Cộng	95.361.573	51.124.593

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Lãi tiền vay	2.082.426.296	1.890.371.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.965.602	104.492.448
Cộng	2.107.391.898	1.994.864.332

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
KBNN hoàn thuế nhập khẩu	208.406.880	-
Các khoản khác	255.287.828	1.767.640
Cộng	463.694.708	1.767.640

6.6 Chi phí khác

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Truy thu thuế GTGT	1.588.000	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	1.588.000	-

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.096.045.066	6.459.460.184
Chi phí nhân viên	3.694.936.726	2.752.068.283
Chi phí thuê đất	964.787.256	961.041.643
Các khoản khác	2.436.321.084	2.746.350.258
b. Chi phí bán hàng	11.891.437.599	13.058.476.570
Chi phí nhân viên	4.181.649.578	4.493.917.007
Chi phí vận chuyển	2.833.950.182	2.916.336.818
Chi phí cho nhân viên đi công tác	1.185.645.588	1.188.795.321
Các khoản chi phí QLDN khác	3.690.192.251	4.459.427.424
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	18.987.482.665	19.517.936.754

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	693.713.261	653.332.483
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.061.978.884	3.056.363.613
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	136.588.000	210.298.800
+ <i>Phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh</i>	136.588.000	156.298.800
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	-	54.000.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.198.566.884	3.266.662.413
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	3.198.566.884	3.266.662.413
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	639.713.377	653.332.483
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	53.999.884	-
Cộng	693.713.261	653.332.483

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.368.265.623	2.403.031.130
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.368.265.623	2.403.031.130
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	464.132.811	481.515.565
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	1.904.132.812	1.921.515.565
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.587	1.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.835.997.179	145.641.193.748
Chi phí nhân công	17.204.536.215	17.944.437.476
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.205.083.310	1.260.399.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.713.612.212	9.195.004.190
Chi phí khác bằng tiền	4.357.459.793	7.409.724.547
Cộng	167.316.688.709	181.450.759.519

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 192.460.331.594 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 203.499.768.533 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMÍ

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	301.390.697	-	301.390.697
Phải thu khách hàng	93.550.279.035	-	93.550.279.035
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	789.960.071	-	789.960.071
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	94.641.629.803	-	94.641.629.803
Ngày 31/12/2017			
Các khoản vay và nợ	12.119.179.453	-	12.119.179.453
Phải trả người bán	92.803.424.443	-	92.803.424.443
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	2.582.867.058	-	2.582.867.058
Tổng cộng	107.505.470.954	-	107.505.470.954
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.863.841.151)	-	(12.863.841.151)
Ngày 31/12/2016			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	259.873.008	-	259.873.008
Phải thu khách hàng	84.143.966.487	-	84.143.966.487
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.972.698.620	-	1.972.698.620
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	86.376.538.115	-	86.376.538.115
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	23.158.616.392	-	23.158.616.392
Phải trả người bán	65.473.117.897	-	65.473.117.897
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	4.543.375.612	-	4.543.375.612
Tổng cộng	93.175.109.901	-	93.175.109.901
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.798.571.786)	-	(6.798.571.786)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	94.340.239.106	86.116.665.107	94.340.239.106	86.116.665.107
<i>Phải thu khách hàng</i>	93.550.279.035	84.143.966.487	93.550.279.035	84.143.966.487
<i>Các khoản phải thu khác</i>	789.960.071	1.972.698.620	789.960.071	1.972.698.620
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301.390.697	259.873.008	301.390.697	259.873.008
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	301.390.697	259.873.008	301.390.697	259.873.008
Tổng cộng	94.641.629.803	86.376.538.115	94.641.629.803	86.376.538.115
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	12.119.179.453	23.158.616.592	12.119.179.453	23.158.616.592
Phải trả người bán	92.803.424.443	65.473.117.897	92.803.424.443	65.473.117.897
Phải trả khác	2.582.867.058	4.543.375.612	2.582.867.058	4.543.375.612
Tổng cộng	107.505.470.954	93.175.109.901	107.505.470.954	93.175.109.901

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu cơ khí, Doanh thu sửa chữa cơ khí và Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu cơ khí	Doanh thu sửa chữa cơ khí	Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Kết quả				
Doanh thu	37.925.952.059	122.851.066.281	195.096.841.685	355.873.860.025
<i>ác khoản giảm trừ</i>	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	33.551.391.052	114.356.297.612	184.366.786.195	332.274.474.859
Lợi nhuận gộp	4.374.561.007	8.494.768.669	10.730.055.490	23.599.385.166

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Quảng Ninh và Hà Nội nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Trong năm tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
TCT công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Công ty Mẹ	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	28.000.000
		Chi trả cổ tức	734.400.000
		Mua vật tư, hàng hóa	100.000.000
Công ty Than Khánh Hòa-VVMI-CN TCT công nghiệp mỏ Việt bắc TKVCTCP	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	3.328.998.991
		Mua vật tư, hàng hóa	1.149.480
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt bắc – VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	1.591.500.000
Trung tâm điều dưỡng ngành than-VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	3.090.909
Công ty CP Đầu tư và xây dựng – VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	451.120.289
Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên – VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	6.736.362
Công ty CP VLXD và Kinh doanh tổng hợp - VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	909.091
Công ty CP xi măng La Hiên – VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	631.920.000
Công ty CPSX và KD VTTB - VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	333.600.800
		Mua vật tư, hàng hóa	7.209.829.800
Công ty Than Na Dương - VVMI-CN TCT công nghiệp mỏ Việt bắc TKV – CTCP	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng	5.974.280
		Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.462.293.753
Công ty Than Núi Hồng - VVMI - CN TCT công nghiệp mỏ Việt bắc TKV -CTCP	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng	28.155.681
		Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.368.758.151
Công CP Cơ khí Mạo Khê-Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	310.527.000
Công CP than Hà Lâm - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	4.990.743.312
Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	393.360.897
Công ty CP Cơ điện Uông Bí – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	316.103.176
Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	109.525.977
Công ty CP than Cọc Sáu-Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	561.013.764
Công ty CP than Đèo Nai – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.086.919.135
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	3.192.805.181
Công ty CP than Núi Béo – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	744.117.036

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty CP than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	231.154.250
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	34.354.475.188
Công ty Kho vận Đá bạc – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	18.237.604.470
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	965.400.098
Công ty Than Dương Huy – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	10.555.541.852
Công ty Than Hạ Long - TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	15.147.741.466
Công ty Than Hòn Gai - TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	41.649.772.623
Công ty Than Hồng Thái – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	9.551.189.879
Công ty Than Khe Chàm - TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	10.716.969.988
Công ty Than Mạo Khê - TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	6.675.292.959
Công ty Than Nam Mẫu – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	28.108.761.134
Công ty Than Quang Hanh – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	15.653.033.144
Công ty Than Thống Nhất – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	5.606.746.658
Công ty Than Uông Bí – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	15.129.666.502
Công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.495.657.124
Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 1 – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.262.844.200
Công ty xây dựng mỏ Hàm lò 2 – TKV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	8.489.485.730
Trường CĐ nghề Than- KSVN	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	47.680.000

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản theo dõi	Số dư tại 31/12/2017 (VND)
TCT Công nghiệp mỏ Việt bắc TKV-CTCP	Công ty mẹ	Phải trả người bán	55.000.000
		Phải trả cổ tức	734.400.000
Công ty CP cơ khí mỏ Việt bắc - VVMI	Cùng Tổng công ty	Phải trả người bán	749.000.000
Công ty CP sx và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cùng Tổng công ty	Phải trả người bán	4.493.289.030
Công ty Than Khánh hòa – VVMI - CN TCT công nghiệp mỏ Việt bắc TKV -CTCP	Cùng Tổng công ty	Phải thu khách hàng	1.027.015.747
Công ty Than Na Dương - VVMI- CN TCT công nghiệp mỏ Việt bắc TKV – CTCP	Cùng Tổng công ty	Phải thu khách hàng	568.377.989

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản theo dõi	Số dư tại 31/12/2017 (VND)
Công ty CP cơ khí Mạo Khê – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	341.579.700
Công ty CP hóa chất mỡ Bạch Thái Bưởi	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	262.117.621
Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	111.821.600
Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	357.700.000
Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.334.148.533
Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.814.390.679
Công ty CP than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	12.713.484
Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	6.677.688.855
Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	2.112.762.699
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	551.940.107
Công ty than Dương Huy - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.466.973.491
Công ty than Hạ Long - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	6.120.151.584
Công ty than Hòn Gai - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	25.742.597.999
Công ty than Khe Chàm – TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	717.152.439
Công ty than Mạo Khê - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	258.841.746
Công ty than Nam Mẫu - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	3.553.921.964
Công ty than Quang Hanh - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.846.121.468
Công ty than Thống Nhất - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	557.504.827
Công ty than Uông Bí – TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	1.207.887.600
Công ty tuyển than Cửa ông - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	2.996.335.457
Công ty XD mỏ Hàm lò 1 - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	720.388.235
Công ty XD mỏ Hàm lò 2 - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	3.295.864.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

	Năm 2017
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.245.280.727
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	314.899.650
Tổng cộng	1.560.180.377

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVM!

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.4 Những sự kiện

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Quỳnh Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Quỳnh Trang

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Tú